

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Khu phức hợp Hòn Một
- Địa điểm thực hiện Dự án: Đảo Hòn Một, Phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần du lịch Hòn Một.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

Dự án Khu phức hợp Hòn Một (sau đây gọi tắt là “Dự án”) tại đảo Hòn Một, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa có diện tích 48,3 ha; quy mô dân số 438 người..

Dự án thực hiện theo đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Đảo Hòn Tre, Hòn Một được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 01/10/2023.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a) Các hạng mục công trình chính

- Bốn mươi bốn (44) căn nhà biệt thự có tổng diện tích 50.000 m², cao tối đa 3 tầng;
- Mười chín (19) căn biệt thự du lịch có tổng diện tích 38.950,3m², cao tối đa 03 tầng;
- Bốn (04) lô đất du lịch khác có tổng diện tích 22.718,6 m², cao tối đa 03 tầng;
- Bốn (04) lô đất thương mại phục vụ du lịch có tổng diện tích 16.307,6 m², cao tối đa 03 tầng;
- Hai (02) lô bãi đỗ trực thăng, bãi đỗ xe, hạ tầng có tổng diện tích 1.893,4 m², cao tối đa 1 tầng.
- Hai (02) bãi đỗ xe, hạ tầng có tổng diện tích 2.385,8 m², cao tối đa 1 tầng;
- Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác: có diện tích 1.302,2 m², cao tối đa 3 tầng;
- Đất tôn giáo có diện tích 500 m², cao tối đa 3 tầng;
- Đất cây xanh bao gồm: đất cây xanh nhóm ở, đất cây xanh đơn vị ở, đất cây xanh cảnh quan có tổng diện tích 243.541,88 m²;
- Đất bãi cát có diện tích 21.970,4 m², chiếm tỷ lệ khoảng 4,5% tổng diện tích khu vực quy hoạch;



✱

- Đất ven biển: có diện tích 37.031,2 m², chiếm tỷ lệ khoảng 7,7% tổng diện tích khu vực quy hoạch;

- Đất giao thông có diện tích 45.738.54 m², chiếm tỷ lệ khoảng 9,47% tổng diện tích khu vực quy hoạch

b) Các hạng mục công trình phụ trợ

Đường giao thông trên tổng diện tích sử dụng đất 45.738.54 m², gồm:

- Đường giao thông nội bộ:

+ Đường nội bộ với mặt cắt 1-1 có tổng chiều dài 3.235 m, lộ giới 13m, mặt đường 7 m, vỉa hè 2x3,0m.

+ Đường nội bộ với mặt cắt 2-2 có tổng chiều dài 570 m, lộ giới 3,0-7,0 m, lòng đường 3,0-7,0 m, vỉa hè 2x3,0m.

- Hai (02) bãi đỗ xe, hạ tầng có diện tích sử dụng đất khoảng 2.385,8 m², tầng cao tối đa 1 tầng.

- Hai (02) bãi đỗ trực thăng, bãi đỗ xe, hạ tầng có tổng diện tích sử dụng đất 1.893,4 m², cao tối đa 1 tầng.

- Hệ thống cấp điện nội khu; cấp nước nội khu; thông tin liên lạc đặt ngầm nằm dọc tuyến đường trục chính, trục nhánh và đường nội bộ..

c) Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải được xây dựng dọc theo đường giao thông; Sử dụng 66 m cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn có đường kính D600 và 3.406 m mương bê tông cốt thép có kích thước B500mm; 345 m dốc nước; 3 hồ tiêu năng; 105 ga thu thăm kết hợp; 11 ga thăm. Khu vực được chia thành 3 lưu vực tương ứng với 5 cửa xả thoát ra biển.

- Hệ thống thu gom nước thải được đặt âm phía dưới cạnh đường giao thông, gồm 4308 m cống HDPE đường kính D300 (đối với ống tự chảy), 355 m ống HDPE đường kính DN50 và 120 m ống HDPE đường kính DN63 (đối với ống có áp); 156 cái hố ga thoát nước thải; 01 trạm xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày.đêm.

Nước thải từ các khu biệt thự ở, biệt thự du lịch, công trình công cộng, dịch vụ du lịch được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, bể tách mỡ, sau đó thu gom bằng các hố ga thu nước thải được bố trí dọc vỉa hè rồi theo các tuyến cống chính dẫn về 04 trạm bơm trung chuyển có công suất 20 m³/ngày đêm; 60 m³/ngày đêm; 25 m³/ngày đêm và 100 m³/ngày đêm.

Trạm bơm trung chuyển bơm toàn bộ nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm đặt tại khu vực phía Đông Bắc dự án. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1) trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Một (01) kho chứa chất thải nguy hại.

- Diện tích cây xanh khoảng 243.541,88 m² (đất cây xanh nhóm ở, đất cây xanh đơn vị ở và đất cây xanh cảnh quan) chiếm khoảng 50,41 % diện tích đất Dự án đáp ứng quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án sử dụng 483.075,6 m² (48,31 ha) đất đảo Hòn Một, thuộc danh lam thắng cảnh Quốc gia Vịnh Nha Trang.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

2.1.1. Vị trí, ranh giới dự án; việc chiếm dụng các loại đất khác nhau

- Khu vực thực hiện dự án “Khu phức hợp Hòn Một” thuộc đảo Hòn Một, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;

- Phạm vi ranh giới cụ thể: dự án có 4 phía giáp biển;

- Hiện trạng các loại đất khu vực dự án: Khu phức hợp Hòn Một có tổng diện tích 483.073 m² (48,3 ha) được chuyển đổi từ các loại đất sau:

+ Đất cây xanh sinh thái chiếm tỷ trọng cao nhất, quy mô khoảng 39,81ha, chiếm 82,91% tổng diện tích Dự án;

+ Đất bãi ven biển có quy mô khoảng 5,95ha, chiếm 12,32% tổng diện tích Dự án;

+ Đất trống có quy mô khoảng 1,59ha, chiếm 3,30% tổng diện tích khu vực Dự án;

+ Đất nghĩa trang có quy mô khoảng 0,42ha, chiếm 0,87% tổng diện tích Dự án;

+ Đất vườn canh tác có quy mô khoảng 0,38ha, chiếm 0,78% tổng diện tích Dự án;

+ Đất tôn giáo (đình, chùa, miếu) có quy mô khoảng 0,04ha, chiếm 0,08% tổng diện tích Dự án;

+ Đất giao thông có quy mô khoảng 0,11ha, chiếm 0,23% tổng diện tích Dự án.

2.1.2. Môi trường quan của dự án với các đối tượng xung quanh.

a) Môi trường quan của dự án đối với các đối tượng xã hội:

- Môi trường quan của dự án đối với các đối tượng xã hội trong đất liền:

+ Cách Học viện Hải Quân 8,3 km

+ Cách Trung tâm nghiên cứu và phát triển nuôi biển Nha Trang 7,7 km;

+ Cách cảng Cầu Đá 6,8 km;

- Môi trường quan của dự án đối với các đối tượng xã hội trên đảo Hòn Tre

+ Cách Cảng Du lịch Vũng Me, đảo Hòn Tre khoảng 5,2 km về phía Tây Bắc

+ Cách Cảng quân sự Vũng Me, đảo Hòn Tre khoảng 3,8 km về phía Tây Bắc

+ Cách khu nuôi trồng thủy sản Đầm Báy, đảo Hòn Tre khoảng 4 km về phía Đông Bắc.

- Môi trường quan của dự án đối với các dự án xung quanh: Khu phức hợp Hòn Một nằm độc lập ở đảo Hòn Một.

2.1.3. Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án:

Dự án cách phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang theo Quyết định số 389/QĐ-TTg như sau:

- Cách Hòn Vung khoảng 19 km về phía Đông Bắc;

- Cách Hòn Cau khoảng 22 km về phía Đông Bắc;

- Cách Hòn Mun khoảng 2,3 km về phía Đông Nam;

- Cách Hòn Nọc khoảng 7,3 km về phía Đông Bắc;
- Môi trường quan của dự án với các đối tượng tự nhiên khác (rừng, sông suối, đầm, hồ nước..):
- + Dự án có 04 phía giáp ranh biển Đông;
- + Khu vực dự án cách các khu vực có san hô trong vịnh Nha Trang như sau:
 - Cách đảo Hòn Mun khoảng 2,3 km.
 - Cách Hòn Tằm từ 2,4 km.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư

2.2.1. Các tác động liên quan đến chất thải

2.2.1.1. Nước thải

a) Trong giai đoạn thi công:

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công Dự án có lưu lượng lớn nhất (với tần suất xuất hiện 20 năm/lần) khoảng 2.224 m³/h. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (TSS).

- Nước thải sinh hoạt của 100 công nhân thi công trên công trường phát sinh tối đa khoảng 9 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng (NO₃⁻, PO₄³⁻) và các vi sinh vật.

- Nước thải từ hoạt động thi công xây dựng phát sinh tối đa khoảng 1,6 m³/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: COD, TSS, dầu mỡ khoáng.

- Nước vệ sinh sà lan vận chuyển khoảng 3-5 m³/phương tiện. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ khoáng.

b) Trong giai đoạn vận hành:

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của dân cư, du khách tại các khu biệt thự ở, biệt thự du lịch, nhân viên làm việc tại khu thương mại, dịch vụ, nhà hàng khách sạn. Tổng lượng nước thải phát sinh tối đa khoảng 247,5 m³/ngày.đêm (làm tròn 300 m³/ngày.đêm). Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các hợp chất dinh dưỡng (NO₃⁻, PO₄³⁻) và các vi sinh vật.

2.2.1.2. Khí thải

a) Trong giai đoạn thi công:

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO₂, SO₂.

b) Trong giai đoạn vận hành:

Khí thải phát sinh khi chạy máy phát điện dự phòng, hoạt động giao thông, đun nấu; mùi từ khu lưu giữ rác thải, hệ thống thoát nước thải, nhà vệ sinh công cộng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO₂, SO₂, H₂S.

2.2.1.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Trong giai đoạn thi công:

+ Sinh khối phát sinh từ quá trình thu dọn, phát quang tạo mặt bằng thi công với khối lượng khoảng 20,1 tấn. Thành phần: cỏ dại, cành lá, cây các loại.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tối đa khoảng 50 kg/ngày.đêm.

+ Chất thải rắn từ hoạt động xây dựng phát sinh khoảng 106,2 kg/ngày (3,2 tấn/tháng). Thành phần chính là xà bần (gạch vụn, vữa, cát đá rơi vãi), bao bì vật liệu (bao xi măng, bao nylon, thùng giấy), gỗ thải, kim loại thải, các phế thải từ quá trình lắp đặt thiết bị điện nước, nội ngoại thất (dây điện, ống nhựa, kính vỡ, gỗ).

+ Chất thải nguy hại từ quá trình xây dựng, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị thi công phát sinh khoảng 65 kg/tháng. Thành phần chính là dầu nhớt thải, giẻ lau dính thành phần nguy hại, vỏ thùng đựng sơn, hóa chất, bóng đèn hỏng, đầu que hàn.

b) Trong giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của cư dân, khách du lịch, nhân viên làm việc tại Dự án phát sinh tối đa khoảng 5,2 tấn/ngày.đêm. Thành phần chính là rác thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa không đạt tiêu chuẩn, giấy vụn), rác thải vô cơ (bao nylon, vỏ lon, thủy tinh).

+ Chất thải rắn từ quá trình chăm sóc cây xanh phát sinh khoảng 2,44 tấn/ngày.

+ Bùn thải từ bể tự hoại phát sinh tối đa 0,29 m³/ngày.

+ Chất thải nguy hại từ quá trình vận hành khu khách sạn, biệt thự, khu thương mại, dịch vụ, nhà hàng công trình bảo vệ môi trường, chăm sóc cây xanh phát sinh tối đa 0,052 tấn/ngày. Thành phần chính là dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn hỏng, pin và ắc quy hỏng, bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, bao bì phân bón, hộp mực in.

2.2.2. Các tác động không liên quan đến chất thải

2.2.2.1. Tiếng ồn, độ rung

a) Trong giai đoạn thi công:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các máy móc, thiết bị thi công.

b) Trong giai đoạn vận hành:

Tiếng ồn phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào khu biệt thự, khu thương mại, dịch vụ, nhà hàng và từ khu vực máy phát điện dự phòng, trạm xử lý nước thải.

2.2.2.2. Các tác động khác

a) Trong giai đoạn thi công:

- Tác động đến chất lượng nước biển ven bờ, hệ sinh thái biển Vịnh Nha Trang nếu xả chất thải xuống biển.

- Sự cố sạt lở, xói mòn, bồi lắng

- Tác động đến ngập úng khu vực.

- Tác động đến giao thông khu vực.

- Tác động đến đời sống của dân cư gần Dự án, khách tham quan du lịch.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Hoạt động của Dự án tác động đến chất lượng nước biển ven bờ, hệ sinh thái biển Vịnh Nha Trang nếu xả chất thải chưa xử lý hoặc xử lý không đạt quy chuẩn xuống biển.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

2.3.1. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải

2.3.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Trong giai đoạn thi công:

- Biện pháp thu gom, xử lý nước thải rửa xe:

Nước thải rửa xe được thu gom vào 01 hố lắng tại khu vực cầu rửa xe có dung tích 06 m³ để lắng cặn chất rắn lơ lửng như bùn, đất bám dính vào xe. Sau khi qua lắng cát và tách dầu, lượng nước này được tái sử dụng cho hoạt động rửa xe, không xả ra môi trường.

+ Quy trình xử lý: nước thải thi công/nước thải rửa xe → rãnh thoát nước → hố lắng tạm (bố trí gói thấm dầu) → tuần hoàn để rửa xe, không xả ra ngoài môi trường.

- Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương để giảm lượng nước thải sinh hoạt phát sinh; lắp đặt 4 nhà vệ sinh lưu động có kích thước 95 cm x 130 cm x 250 cm, dung tích bể chứa chất thải là 400 lít, bể chứa nước sạch dự trữ là 400 lít tại khu vực công trường thi công để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt của Dự án phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định khi đầy bể, không xả thải ra môi trường.

+ Quy trình: nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh di động → Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Biện pháp thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn:

+ Tổ chức thi công theo hình thức cuốn chiếu; thường xuyên dọn dẹp mặt bằng thi công; tập kết nguyên vật liệu theo tiến độ thi công, che chắn các khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng và không tập trung nguyên vật liệu thi công gần mương thoát nước. Chủ Dự án thường xuyên khơi thông đường thoát nước mưa trong khu vực Dự án với tần suất 2 ngày/lần, tạo các rãnh thoát nước mưa tạm thời kích thước 50 cm x 50 cm và khoảng 05 hố lắng nhằm tránh tồn đọng nước mưa và sự xâm nhập của dòng chảy qua các bãi vật liệu.

+ Quy trình xử lý: nước mưa chảy tràn → rãnh thoát nước → hố lắng → môi trường.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Thoát nước mưa:

+ Nước mưa được dẫn theo hệ thống thu gom nước mưa của Dự án và thoát ra biển qua năm (05) cửa xả.

+ Bố trí công tròn bê tông cốt thép D600 dọc theo đường giao thông và các mương thoát nước mưa kích thước B500. Nước mưa được thu gom về các hố ga riêng của từng công trình để lắng trước khi thoát ra môi trường. Dọc tuyến thoát nước mưa bố trí song chắn rác, thường xuyên khơi thông hệ thống thoát nước.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom theo đường ống ngầm HDPE đường kính D300 (đối với ống tự chảy), ống HDPE đường kính D50 – D63 (đối với ống có áp).

+ Nước thải phát sinh từ khu dân cư, khu dịch vụ du lịch, khu biệt thự được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại, bể tách mỡ, thu gom và dẫn về 04 trạm bơm nước thải (công suất 20 m³/ngày đêm; 60 m³/ngày đêm; 25 m³/ngày đêm và 100 m³/ngày đêm).

Trạm bơm chuyển bơm toàn bộ nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 300 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1).

** Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

- Vận hành mạng lưới thu gom và bơm trung chuyển đảm bảo toàn bộ các loại nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án và xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1).

- Thực hiện việc đấu nối nước thải theo đúng quy định pháp luật.

2.3.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Trong giai đoạn thi công:

- Các phương tiện tham gia hoạt động của Dự án tuân thủ đúng quy định về đăng kiểm, an toàn kỹ thuật; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải; che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi vãi vật liệu.

- Quét dọn, thu gom vật liệu, đất rơi vãi với tần suất 01 lần/ngày.

- Phun rửa các tuyến đường vận chuyển vật liệu trong Dự án với tần suất 01 lần/ngày.

- Thiết lập hàng rào tôn cao tối thiểu 2 m tại các khu vực thi công; tại các công trình cao tầng đang thi công sử dụng bao lưới chống bụi quanh công trình.

- Thực hiện thi công cuốn chiếu, dứt điểm theo từng khu vực; sử dụng phương tiện thi công dùng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; bố trí cầu rửa xe để rửa sạch bánh xe trước khi ra khỏi công trường; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng với tần suất 03 lần/ngày, tăng tần suất trong mùa khô; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau quá trình tập kết.

- Tại khu vực tập kết rác thải, các thùng chứa rác thải được vệ sinh và phun chế phẩm khử mùi định kỳ 01 lần/ngày.

- Lắp đặt hệ thống giảm thanh và ống thoát khí thải cho máy phát điện dự phòng.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quá trình thi công đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn hoạt động tốt để giảm thiểu tối đa lượng khí thải phát sinh.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Diện tích cây xanh sử dụng công cộng của dự án là 243.541,88 m², chiếm khoảng 50,41 % diện tích Dự án đáp ứng quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Trồng cây xanh sân vườn và hệ đường nội bộ, kết nối hệ thống cây xanh giữa các các công trình cao tầng và thấp tầng phù hợp với cảnh quan thiên nhiên khu vực.

- Hạn chế tốc độ xe chạy dưới 30 km/h trong các tuyến đường nội bộ; quét dọn và tưới rửa đường với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày.

- Lắp đặt hệ thống phun tia tại các bãi cỏ, vườn hoa tưới cây, đảm bảo độ ẩm và cải thiện điều kiện vi khí hậu khu vực.

- Tại các thùng chứa rác thải được vệ sinh và phun khử mùi định kỳ hàng ngày.

- Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín bên trên và được nạo vét thu gom bùn, bảo trì các thiết bị.

- Không phun hóa chất bảo vệ thực vật trong những ngày có gió lớn.

2.3.1.3. Đối với công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Trong giai đoạn thi công:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại bằng các thùng chứa rác tạm thời, cụ thể:

+ Mỗi khu vực lán trại của công nhân đặt 01 thùng rác có 03 ngăn (để chứa riêng chất thải thực phẩm; chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng; chất thải rắn sinh hoạt khác) dung tích mỗi ngăn 20 lít.

+ Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

- Chất thải rắn xây dựng được thu gom, phân loại và hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

- Quét dọn, thu gom vật liệu, đất rơi vãi với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được phân loại ngay từ nguồn tại từng khu chức năng, cụ thể như sau:

+ Khu biệt thự đất ở, biệt thự du lịch, dịch vụ: Bố trí các thùng chứa rác có 03 ngăn (để chứa riêng chất thải thực phẩm; chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng; chất thải rắn sinh hoạt khác) dung tích mỗi ngăn 20 lít. Hàng ngày, nhân viên vệ sinh tiến hành thu gom rác và đưa về khu vực tập kết chất thải rắn của Dự án, tần suất thu gom tối thiểu 01 lần/ngày.

+ Các khu vực công cộng như khu vực công viên cây xanh, dọc các tuyến đường trong khu vực, đặt các thùng chứa rác có 03 ngăn (để chứa riêng chất thải thực phẩm; chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng; chất thải rắn sinh hoạt khác) dung tích mỗi ngăn 20 lít và đặt cách nhau 150 - 200 m. Hàng ngày có nhân viên môi trường đến thu gom rác, vận chuyển về khu tập kết rác của phân khu.

+ Chất thải phát sinh từ quá trình chăm sóc cây xanh được hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt hàng ngày theo đúng quy định.

- Đối với bùn từ hệ thống cống thoát nước thải, nước mưa hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng tiến hành nạo vét, thu gom và đem đi xử lý định kỳ 06 tháng/lần.

- Đối với chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng được thu gom vào nơi quy định và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn, định kỳ 01 tuần/lần theo đúng quy định.

2.3.1.4. Đối với công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Trong giai đoạn thi công:

- Các loại chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu trữ trong 03 thùng chứa chất thải 120 lít có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường.

- Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ tạm trong thùng chứa có dán nhãn, nắp đậy kín tại khu vực tập kết tạm chất thải rắn diện tích 25 m² và hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong kho. Kho chứa chất thải nguy hại được thiết kế tuân thủ theo đúng quy định, thông số cụ thể:

+ Kho chứa được thiết kế: sàn bê tông, có vách ngăn chia ô, có mái che, có biển báo khu vực chứa chất thải nguy hại.

+ Kho chứa được thiết kế các rãnh thoát nước có nắp đậy bằng thép hộp mạ kẽm kích thước 300 x 20 mm xung quanh các ô chứa chất thải nguy hại. Rãnh thoát nước được thiết kế dốc về phía hố thu có kích thước 80 x 80 x 40 cm để phòng sự cố tràn chất thải dạng lỏng.

+ Trong kho chứa được trang bị đầy đủ các thiết bị ứng phó sự cố, phòng cháy, chữa cháy.

- Phương án thu gom, lưu giữ:

+ Đối với chất thải: giặt lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin và ắc quy thải, vỏ chai lọ được phân loại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Thu gom, lưu giữ trong các thùng chuyên dụng riêng chứa trong kho chứa chất thải nguy hại.

+ Đối với vỏ bao bì thuốc BVTV và phân bón trong quá trình chăm sóc cây xanh: thu gom lại sau quá trình bón phân, phun thuốc và tập kết tại kho chứa chất thải nguy hại.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

2.3.2. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải

2.3.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

a) Trong giai đoạn thi công:

- Sử dụng các phương tiện thi công hiện đại, có mức gây ồn thấp khi thi công nền móng.

- Kiểm tra thiết bị thường xuyên và đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng xe, máy theo đúng quy định.

- Không vận hành thiết bị máy móc có độ ồn cao từ 11h30 - 13h00 và từ 22h00 - 6h00.

- Các máy móc cơ giới gây ra chấn động lớn không hoạt động cùng lúc để giảm tần suất cộng hưởng của độ rung.

- Các xe vận chuyển nguyên vật liệu thi công, quy định-tốc độ và hạn chế bóp còi khi xe đi qua những nơi đông người, khu nghỉ dưỡng.

- Che chắn xung quanh khu vực công trường bằng tôn với chiều cao tối thiểu 2 m.

- Công nhân lao động tại hiện trường được trang bị mũ bảo hộ và đủ thiết bị bảo hộ lao động để chống ồn và bụi.

- Tiếng ồn do các phương tiện giao thông vận tải vận chuyển nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị thi công trên công trường phải đảm bảo giới hạn cho phép đối với khu vực thi công và nằm trong giới hạn cho phép đối với khu dân cư theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Các phương tiện tham gia hoạt động nội khu Dự án đều sử dụng xe điện.

- Đối với máy phát điện dự phòng: bố trí máy phát điện trong phòng cách âm; sử dụng móng bê tông vững chắc và đệm giảm chấn để chống rung; kiểm tra độ mòn định kỳ và bảo dưỡng, thay thế những thiết bị hư hỏng; ống khói có bố trí ống giảm thanh đi kèm theo máy.

2.3.2.2. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Trong quá trình thi công:

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến chất lượng nước biển ven bờ và đa dạng sinh học biển vịnh Nha Trang:

+ Ban hành nội quy bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học, nghiêm cấm các hành vi săn bắt sinh vật biển trong vịnh Nha Trang.

+ Tổ chức giám sát thi công của Dự án trên hiện trường theo đúng hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt.

+ Không thi công xây dựng khi trời mưa bão.

+ Thực hiện giám sát chất lượng nước biển trong quá trình thi công xây dựng 01 tháng/lần để có kế hoạch điều chỉnh phương án thi công phù hợp trong trường hợp các chất ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép.

+ Thiết lập phao nổi cách vị trí mép bờ Dự án khoảng 50 m nhằm hạn chế sự lan truyền các chất lơ lửng và dầu mỡ rò rỉ của các thiết bị thi công theo nước mưa phát tán xuống biển.

+ Dùng bạt che chắn nguyên vật liệu, đá, cát, trang thiết bị trong quá trình vận chuyển bằng đường thủy, tránh rơi vãi xuống biển; không xả nước thải thi công, nước thải trên tàu và xả lan xuống biển; không xả thải chất thải rắn khác xuống biển.

+ Phối hợp với Ban quản lý Vịnh Nha Trang thực hiện giám sát hệ sinh thái biển; xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường do các hoạt động của Dự án gây ra đối với thảm thực vật và rạn san hô và các biện pháp phục hồi sinh thái sau sự cố.

- Biện pháp giảm thiểu các tác động đến hoạt động giao thông:

+ Lập phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy khu vực Dự án trong thời gian thi công; tuân thủ các quy định về giao thông đường thủy nội địa; lắp đặt các đèn báo hiệu tại cảng tiếp nhận sà lan chở nguyên vật liệu.

+ Phân luồng giao thông đường bộ trong khu vực Dự án; ưu tiên vận chuyển nguyên vật liệu vào ban đêm.

+ Sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng các tuyến đường giao thông bị hư hỏng do hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ Dự án.

- Biện pháp bảo vệ môi trường, cảnh quan khác:

+ Tuân thủ các quy định hiện hành về an ninh, quốc phòng, bảo tồn đa dạng sinh học, tài nguyên, môi trường; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

+ Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội; ưu tiên sử dụng công nhân địa phương.

+ Luôn bố trí người trực cảnh giới trong thời gian thi công.

- Thực hiện các quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu phức hợp Hòn Một.

b) Trong quá trình vận hành:

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến chất lượng nước biển ven bờ và đa dạng sinh học biển vịnh Nha Trang:

+ Nghiêm cấm xả rác, thải nước bẩn xuống biển; tổ chức cấm mốc, cờ hiệu rõ ràng, khoanh vùng khu vực có rạn san hô, cỏ biển nhằm hạn chế đến mức tối đa ảnh hưởng đến hệ sinh thái biển khu vực.

+ Có biện pháp quản lý đội ngũ cán bộ, lực lượng lao động, du khách nhằm ngăn chặn các hành vi xâm hại hệ sinh thái Vịnh Nha Trang; phối hợp với các cơ quan có chức năng hướng dẫn du khách tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

+ Thực hiện đúng các quy định của nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về quản lý, bảo vệ Vịnh Nha Trang; phối hợp với các cơ quan chức năng bảo tồn các hệ sinh thái và xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường do các hoạt động của Dự án gây ra.

+ Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học, công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Chỉ sử dụng những giống cây trồng, vật nuôi, hoá chất bảo vệ thực vật, các loại hoá chất được phép sử dụng và lưu hành tại Việt Nam trong quá trình triển khai Dự án.

- Giảm thiểu các tác động khác:

+ Phối hợp với các đơn vị chức năng lắp đặt các biển báo, biển chỉ dẫn, đèn đường, chỉ dẫn giao thông trong khuôn viên Dự án.

+ Thành lập đội vệ sinh môi trường và chăm sóc cây xanh của Dự án; ưu tiên thu nhận lao động địa phương.

+ Tiến hành nạo vét hệ thống thoát nước 06 tháng/lần để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước cho khu vực Dự án.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.4.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung
 - + Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí tại cổng ra vào của công trường; 01 điểm tại điểm neo đậu tàu thuyền vận chuyển nguyên vật liệu).
 - + Thông số giám sát: TSP, tiếng ồn, độ rung, SO₂, CO, NO₂.
 - + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
 - + Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
- Giám sát chất lượng nước biển
 - + Vị trí giám sát: 04 vị trí (01 vị trí tại điểm dự kiến cửa xả thoát nước mưa số 01 của dự án; 01 vị trí tại điểm dự kiến cửa xả thoát nước mưa số 02 của dự án; tại điểm dự kiến cửa xả thoát nước mưa số 03 của dự án; 01 vị trí tại điểm dự kiến cửa xả thoát nước mưa số 05 của dự án).
 - + Thông số giám sát: pH, DO, TSS, tổng Hydrocarbon gốc dầu (TPH), amoni, phosphat, F⁻, CN⁻, As, Cd, Pb, Cr⁶⁺, tổng Crom, Cu, Zn, Mn, Fe, Hg, dầu mỡ khoáng, tổng Phenol, tổng Coliform.
 - + Tần suất giám sát: 01 tháng/lần (riêng chỉ tiêu TSS thực hiện giám sát 01 tuần/lần trong giai đoạn thi công xây dựng).
 - + Quy chuẩn áp dụng: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển - vùng biển ven bờ.
- Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại
 - + Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.
 - + Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.
- Giám sát đa dạng sinh học
 - + Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí tại khu vực xuất hiện san hô, cỏ biển phía Đông dự án; 01 vị trí tại khu vực xuất hiện san hô phía Tây Bắc dự án);
 - + Thông số giám sát: mật độ (độ phủ) của san hô.
 - + Tần suất giám sát: phối hợp để thực hiện cùng với kế hoạch giám sát định kỳ của Ban Quản lý Vịnh Nha Trang

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Giám sát nước biển
 - + Vị trí giám sát: 04 vị trí (01 vị trí tại điểm xả nước thải sau xử lý của dự án; 01 vị trí tại điểm neo đậu tàu thuyền của đảo Hòn Một gần cửa xả thoát nước mưa số 03; 01 vị trí tại điểm bãi tắm gần cửa xả thoát nước mưa số 02 của dự án (gần điểm có san hô

khu mặt biển Hòn Một); tại điểm dự kiến cửa xả thoát nước mưa số 05 của dự án gần điểm có san hô, cỏ biển khu mặt biển Hòn Một).

+ Thông số giám sát: pH, DO, TSS, tổng Hydrocarbon gốc dầu (TPH), amoni, phosphat, F⁻, CN⁻, As, Cd, Pb, Cr⁶⁺, tổng Crom, Cu, Zn, Mn, Fe, Hg, dầu mỡ khoáng, tổng Phenol, tổng Coliform; Thuốc BVTV (Clo hữu cơ, lân hữu cơ).

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển - vùng biển ven bờ.

- Giám sát định kỳ chất lượng nước thải sau xử lý:

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí tại 01 cửa xả nước thải của Dự án trước khi chảy ra biển.

+ Thông số giám sát: các thông số theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K=1) (trừ các thông số đã được giám sát tự động, liên tục).

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K=1).

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

+ Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Trong quá trình thi công:

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ trong quá trình thi công: chủ dự án sẽ phối hợp với đơn vị thi công áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật, quản lý, giáo dục phòng cháy chữa cháy.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố sạt lở, ngập úng: bố trí các rãnh thoát nước tạm thời, cống ngang đường, không để nước mưa chảy tràn tự do qua nền đường đang thi công và đảm bảo không gây ngập úng khu vực lân cận; Chuẩn bị máy bơm dự phòng cho công trường để tiêu thoát cưỡng bức khi cần thiết; Đào các rãnh thoát nước tạm thời xung quanh khu vực xây dựng sâu khoảng 0,5 m, rộng 0,5 m; Thường xuyên kiểm tra dọc khu vực thi công, nếu phát hiện tình trạng ngập úng cục bộ sẽ thực hiện khơi thông cho thoát nước, không làm đục nguồn nước bằng cách lấp đặt tấm ngăn để thu gom bùn đất.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

+ Các phương tiện, máy móc thi công cơ giới trên công trường, phương tiện vận chuyển phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định về đăng kiểm, an toàn kỹ thuật.

+ Tất cả công nhân tham gia lao động đều được học tập về các quy định an toàn, vệ sinh lao động. Các công nhân tham gia vận hành máy móc thiết bị phải được huấn

luyện và thực hành các thao tác đúng cách khi có sự cố, có chứng chỉ vận hành, kiểm tra và bảo trì kỹ thuật.

+ Xây dựng, ban hành và yêu cầu công nhân viên tại Dự án phải thực hiện nghiêm túc các nội quy, trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ cần thiết.

+ Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng theo các quy định hiện hành của Bộ Nội vụ.

- Giảm thiểu, khắc phục sự cố sụt lún công trình: lập báo cáo đánh giá đầy đủ các thông số về đất nền, địa chất, dòng chảy trong đất đánh giá toàn diện rủi ro tiềm ẩn có thể gây ra các sự cố trong quá trình thi công hố đào... và đề ra các biện pháp khắc phục chủ động trước khi thi công công trình; Gắn thiết bị quan trắc độ lún sụt của đất nền lân cận hố đào, quan trắc chuyên vị của tường chắn nhằm phát hiện kịp thời các sự cố xảy ra;

b) Trong quá trình vận hành:

- Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố của trạm xử lý nước thải:

+ Tuân thủ đúng các yêu cầu thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời. Chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với một số máy móc dễ hư hỏng như bơm nước thải, máy thổi khí, bơm bùn.

+ Thiết kế hệ thống van chặn tại các bể chứa thành phần để tăng thể tích lưu chứa đảm bảo thời gian lưu chứa tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố.

+ Nhân viên vận hành xử lý nước thải được tập huấn về chương trình vận hành và bảo dưỡng của trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Bố trí động cơ/máy bơm tại tất cả các mô đun có 01 máy chạy, 01 máy dự phòng (hoạt động luân phiên), đảm bảo khi có 01 máy bơm đang sửa chữa thì hệ thống vẫn hoạt động bình thường.

+ Bố trí nguồn điện dự phòng cho trạm xử lý nước thải tập trung; bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng trạm xử lý nước thải của Dự án.

+ Khi có sự cố vận hành thiết bị dự phòng được nhanh chóng thay thế thiết bị hỏng. Khi sự cố trạm không thể hoạt động đóng van xả của trạm, nước thải được lưu chứa tại bể điều hòa và dẫn về bể sự cố để khắc phục sự cố. Lắp đặt hệ thống ống, bơm để bơm toàn bộ nước thải từ bể sự cố về trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A; K=1) trước khi xả ra biển.

+ Trường hợp xảy ra sự cố, cán bộ vận hành trạm xử lý nước thải phải thông báo với bộ phận quản lý, tiến hành cô lập mô đun bị sự cố, đảm bảo nước thải tại mô đun bị sự cố không xả ra môi trường. Nước thải phát sinh từ các hoạt động của Dự án được lưu giữ tại bể điều hòa và bể sự cố, việc xử lý nước thải vẫn hoạt động bình thường với các mô đun còn lại. Sau khi khắc phục xong sự cố, tiến hành bơm dẫn tất cả nước thải từ các bể điều hòa trong mô đun gặp sự cố và bể sự cố quay lại bể điều hòa để tiếp tục được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A; K=1) trước khi xả ra biển.

3. Cam kết của Chủ dự án

Chủ dự án cam kết:

- Chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thiết kế các công trình xây dựng, công trình bảo vệ môi trường và các giải pháp thi công phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận để đảm bảo an toàn và đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

- Chỉ được xây dựng các hạng mục công trình trên diện tích đất theo phạm vi, ranh giới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng, cấp phép xây dựng và theo đúng các yêu cầu kỹ thuật về xây dựng.

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, khí thải và tiếng ồn, rung; đảm bảo chất lượng nước mưa chảy tràn; chống ngập úng và sạt lở trong quá trình thi công và vận hành Dự án; giảm thiểu tác động đến chất lượng nước biển ven bờ, bảo vệ hệ sinh thái biển Vịnh Nha Trang.

- Thực hiện đúng các quy định của nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về quản lý, bảo vệ Vịnh Nha Trang; phối hợp với các cơ quan chức năng bảo tồn các hệ sinh thái và xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường do các hoạt động của Dự án gây ra.

- Xây dựng, vận hành hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt đảm bảo toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án được thu gom, xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của dự án đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K=1) trước khi xả ra biển.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Tuân thủ nghiêm các yêu cầu tại Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt đề án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Đảo Hòn Tre, Hòn Một.

- Lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án song song với quá trình thi công Dự án; đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về lâm nghiệp, bảo tồn đa dạng sinh học, công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp. Chỉ sử dụng những giống cây trồng, vật nuôi, hóa chất bảo vệ thực vật, các loại hóa chất được phép sử dụng và lưu hành tại Việt Nam trong quá trình triển khai Dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn hàng hải; đất đai, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản; hành lang bảo vệ bờ biển; khoáng sản; bảo tồn đa dạng sinh học; xả nước thải vào nguồn nước, tài nguyên nước; các quy định về phòng cháy chữa



cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, phòng chống dịch bệnh và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Thực hiện các biện pháp nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường cho du khách của Dự án.

- Tuân thủ nghiêm túc quy định về bảo vệ môi trường quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Bảo vệ môi trường và hướng dẫn du khách thực hiện nghiêm các quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Bảo vệ môi trường.

- Chỉ được đưa Dự án vào hoạt động sau khi hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Chủ Dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chủ Dự án chịu trách nhiệm và bồi thường, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố do quá trình thực hiện Dự án gây ra.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Thực hiện việc cấp giấy phép môi trường, vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Sau khi có quyết định triển khai dự án, chủ đầu tư sẽ gửi kế hoạch thực hiện Dự án cho UBND Thành phố Nha Trang thông qua Ban quản lý Vịnh Nha Trang để phối hợp theo dõi kiểm tra và giám sát việc thực hiện

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Chủ Dự án rà soát, chịu trách nhiệm về danh sách, nội dung thực hiện của người thực hiện ký trong báo cáo ĐTM./.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ *Jm*
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu) ✓

[Handwritten signature]

Ghi chú: Báo cáo ĐTM được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã từ ngày...tháng...năm....

✱